

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU  
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU  
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

#### **Chức vụ**

Ông Trần Hữu Hạnh	Phụ trách HĐQT	(Đến ngày 31 tháng 5 năm 2021)
Ông Phan Vũ Anh	Chủ tịch HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2021)
Bà Bùi Thị Tú Giang	Ủy viên	
Bà Vũ Hà Hải	Ủy viên	
Ông Trần Hữu Hạnh	Ủy viên	
Ông Phan Vũ Anh	Ủy viên	(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 5 năm 2021)
Ông Cao Bá Trung	Ủy viên	

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Hữu Hạnh	Giám đốc
Bà Bùi Thị Tú Giang	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sừ	Phó Giám đốc

#### ***Người đại diện theo pháp luật***

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Hữu Hạnh - Giám đốc.

Ông Trần Hữu Hạnh đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Sừ ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 83/UQ-QĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Sửu**  
**Phó Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022.*

Số: 045 /VACO/BCKiT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Giá trị các bất động sản Công ty nhận được từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh phát sinh từ năm 2020 trở về trước với số tiền 53.140.373.010 đồng chưa được Công ty ghi nhận là thu nhập tại thời điểm nhận bàn giao. Giá trị của các bất động sản trên được Công ty ghi nhận trên khoản mục Doanh thu chưa thực hiện dài hạn và thực hiện phân bổ vào thu nhập khác theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Giá trị còn lại của các bất động sản nêu trên chưa được phân bổ vào thu nhập khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 48.837.532.207 đồng và 50.283.250.727 đồng. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ thu nhập tại thời điểm nhận bàn giao bất động sản theo quy định của Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì trên Bảng cân đối kế toán, số dư khoản mục “Doanh thu chưa thực hiện dài hạn” tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ giảm đi số tiền lần lượt là 48.837.532.207 đồng và 50.283.250.727 đồng, đồng thời, số dư khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ tăng lên tương ứng; trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục “Thu nhập khác” sẽ giảm đi số tiền là 1.445.718.520 đồng.

Giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1 là 14.169.000.000 đồng chưa được Công ty ghi nhận vào thu nhập tại thời điểm góp vốn mà đang được trình bày trên khoản mục “Doanh thu chưa thực hiện dài hạn”. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất còn phải phân bổ vào thu nhập là 6.340.302.667 đồng. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ thu nhập tại thời điểm góp vốn theo quy định của Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì trên Bảng cân đối kế toán, số dư khoản mục “Doanh thu chưa thực hiện dài hạn” tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ giảm đi số tiền là 6.340.302.667 đồng, đồng thời, số dư khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ tăng lên tương ứng.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 4921-2019-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>120.180.469.644</b>	<b>105.829.928.531</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>8.720.709.863</b>	<b>43.328.481.318</b>
1. Tiền	111		6.820.709.863	5.928.481.318
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.900.000.000	37.400.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.611.379.308</b>	<b>30.648.313.660</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	20.401.812.873	25.194.520.617
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.822.984.548	2.074.777.700
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.415.041.678	7.407.475.134
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(4.028.459.791)	(4.028.459.791)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>77.394.776.556</b>	<b>25.672.059.644</b>
1. Hàng tồn kho	141		82.030.023.236	25.672.059.644
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.635.246.680)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.453.603.917</b>	<b>6.181.073.909</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	342.928.176	168.894.543
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.284.503.451	4.784.115.069
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	826.172.290	1.228.064.297
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>116.110.902.830</b>	<b>85.848.566.663</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>1.484.457.884</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	-	1.484.457.884
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.988.098.280</b>	<b>10.167.004.169</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	26.852.607.974	8.031.127.537
- Nguyên giá	222		50.801.523.995	29.148.469.514
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.948.916.021)	(21.117.341.977)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.135.490.306	2.135.876.632
- Nguyên giá	228		18.188.747.921	3.111.027.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.053.257.615)	(975.150.368)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>60.782.145.111</b>	<b>62.925.711.161</b>
- Nguyên giá	231		71.068.920.846	71.068.920.846
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.286.775.735)	(8.143.209.685)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>30.000.000</b>	<b>150.374.546</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		30.000.000	150.374.546
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>10.116.231.166</b>	<b>10.064.643.697</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.663.000.000	17.663.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.546.768.834)	(7.598.356.303)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.194.428.273</b>	<b>1.056.375.206</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.194.428.273	1.056.375.206
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>236.291.372.474</b>	<b>191.678.495.194</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>188.965.175.547</b>	<b>143.143.303.362</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>116.498.488.068</b>	<b>84.566.481.363</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	43.980.551.647	36.738.407.913
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	19.499.164.249	58.984.751
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	417.696.414	10.653.538.595
4. Phải trả người lao động	314		1.286.000.000	2.170.120.101
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	366.635.879	495.870.908
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	19.419.802.106	27.099.320.379
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	29.937.899.063	5.773.324.539
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.590.738.710	1.576.914.177
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>72.466.687.479</b>	<b>58.576.821.999</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	55.177.834.874	56.623.553.394
2. Phải trả dài hạn khác	337	20	2.508.852.605	1.953.268.605
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	14.780.000.000	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>47.326.196.927</b>	<b>48.535.191.832</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>47.326.196.927</b>	<b>48.535.191.832</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.084.589.638	16.923.317.288
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		241.607.289	1.611.874.544
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.377.661	-
LNST chưa phân phối năm nay	421b		231.229.628	1.611.874.544
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>236.291.372.474</b>	<b>191.678.495.194</b>



Nguyễn Văn Sửu  
Phó Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

*Dương Tuấn Linh*

Dương Tuấn Linh  
Kế toán trưởng

*Trần Thu Thủy*

Trần Thu Thủy  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	713.187.975.706	732.331.985.128
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.241.643.552	110.782.327
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	711.946.332.154	732.221.202.801
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	672.310.874.570	685.330.918.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.635.457.584	46.890.283.918
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	632.016.927	1.988.816.001
7. Chi phí tài chính	22	28	3.762.889.569	478.531.976
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.597.832.791	275.432.590
8. Chi phí bán hàng	25	29	33.257.518.893	34.458.836.499
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	4.670.221.757	3.863.266.378
10. Lợi nhuận thuần/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.423.155.708)	10.078.465.066
11. Thu nhập khác	31	30	1.768.505.253	3.015.276.421
12. Chi phí khác	32	31	114.119.917	514.105.925
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.654.385.336	2.501.170.496
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		231.229.628	12.579.635.562
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	10.967.761.018
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		231.229.628	1.611.874.544
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	77	457



Nguyễn Văn Sửu  
Phó Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

*mmqu*

Dương Tuấn Linh  
Kế toán trưởng

*Thuy*

Trần Thu Thủy  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**MÃ SỐ B03-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	231.229.628	12.579.635.562
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.053.247.341	2.923.317.755
- Các khoản dự phòng	03	4.583.659.211	(2.015.837.151)
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.560.289	(10.377.661)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(540.957.731)	(2.050.498.270)
- Chi phí lãi vay	06	3.597.832.791	275.432.590
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.932.571.529	11.701.672.825
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.454.926.434	(7.075.514.136)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(56.357.963.592)	13.194.838.065
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17.407.218.682	(49.770.193.444)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(312.086.700)	(53.537.910)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.573.827.791)	(274.965.590)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.442.261.032)	(1.003.590.011)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(226.400.000)	(201.375.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(36.117.822.470)	(33.482.665.201)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(36.708.048.129)	(775.499.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	125.999.999
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	25.784.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	589.135.909	2.717.748.715
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(36.118.912.220)	27.852.249.623
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	266.145.690.499	20.606.457.826
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(227.201.115.975)	(19.358.674.740)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.308.051.000)	(1.383.451.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	37.636.523.524	(135.668.414)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(34.600.211.166)	(5.766.083.992)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	43.328.481.318	49.084.187.649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.560.289)	10.377.661
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	8.720.709.863	43.328.481.318



Nguyễn Văn Sửu  
Phó Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Dương Tuấn Linh  
Kế toán trưởng

Trần Thu Thủy  
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4435/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0103007225 ngày 30 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 4 năm 2019 với mã số doanh nghiệp 0101118079. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**Hoạt động chính:** Bán buôn, bán lẻ gạo và kinh doanh lương thực tổng hợp.

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh lương thực, nông, lâm sản, các sản phẩm chế biến từ lương thực;
- Bán buôn, bán lẻ và đại lý đồ dùng cá nhân, gia đình: xà phòng, bột giặt, kem đánh răng, hoá mỹ phẩm;
- Xay xát, chế biến lương thực và nông, lâm sản; Xuất nhập khẩu nông sản, thực phẩm và hàng tiêu dùng; Nuôi trồng cây, con thủy hải sản; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- Thuê và cho thuê: Văn phòng, nhà kho và các hoạt động kho bãi; Đầu tư và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn giá đất).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có vấn đề biến động lớn nào được đánh giá là có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ lập Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại An Giang (i)	Khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
Chi nhánh Kinh doanh gạo chất lượng cao - Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Số 162 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Dịch vụ và Du lịch - Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội (ii)	44 Ngõ Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Kinh doanh tổng hợp - Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Số 13 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Kinh doanh Lương thực Thực phẩm - Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	130E Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Thương mại Đống Đa - Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Số 24 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại Đồng Tháp	Số 27A, Ấp Hưng Lợi Đông, Xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

Ghi chú:

- (i) Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại An Giang đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định số 555/QĐ - HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2021 do: Năm 2021, Công ty đã thực hiện xong phương án chuyển đổi vùng kho và đã tổ chức hoạt động sản xuất tại Chi nhánh Đồng Tháp, cần chấm dứt hoạt động để bộ máy Công ty được tinh gọn.
- (ii) Chi nhánh Dịch vụ và Du lịch - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định số 554/QĐ - HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2021. Nguyên nhân do: Chi nhánh có ngành nghề kinh doanh là dịch vụ du lịch, đại dịch Covid-19 xảy ra từ đầu năm 2020 ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Chi nhánh, cần chấm dứt hoạt động để xây dựng, cơ cấu lại Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tiết kiệm chi phí quản lý và tập trung vào ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chính (lương thực, thực phẩm).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND). Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, Chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn:***

Dự phòng được lập cho việc tổn thất của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc niên độ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự; và theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (khi chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty được phân phối theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Tiền mặt	2.090.224.000	2.229.942.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.730.485.863	3.698.539.318
Các khoản tương đương tiền (i)	1.900.000.000	37.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.720.709.863</b>	<b>43.328.481.318</b>

Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần.

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>15.851.306.016</b>	<b>25.187.678.712</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Trung Chính	-	4.601.689.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại CHH Hà Nội	-	3.407.124.125
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	-	2.171.650.000
Công ty TNHH Quang Thịnh Phát Bắc Giang	2.313.905.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ thực phẩm Châu Á	2.057.484.000	2.139.522.000
Công ty Cổ phần Sơn Châu Á	1.981.927.900	1.981.927.900
Công ty TNHH Tổng hợp Dona Việt Nam	1.660.241.500	1.387.939.000
Bà Trần Thị Xuân Yến	1.522.122.241	1.522.122.241
Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng	-	1.514.261.000
Các đối tượng khác	6.315.625.375	6.461.442.646
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>4.550.506.857</b>	<b>6.841.905</b>
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	4.550.506.857	6.841.905
<b>Cộng</b>	<b>20.401.812.873</b>	<b>25.194.520.617</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Bà Lê Thị Quyên	-	791.270.200
Công ty TNHH Công nghệ Thực phẩm S.K	687.606.000	364.369.500
Ông Ngô Chí Duyên	348.705.000	327.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chính Hà Nội	238.000.000	238.000.000
Công ty TNHH Interflour Việt Nam	194.568.000	-
Bà Phạm Thị Lụa	117.000.000	216.000.000
Các đối tượng khác	237.105.548	138.138.000
<b>Cộng</b>	<b>1.822.984.548</b>	<b>2.074.777.700</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Phải thu khác ngắn hạn</i>	<b>8.415.041.678</b>	-	<b>7.407.475.134</b>	-
Ký cược, ký quỹ	6.853.738.650	-	5.422.500.000	-
Tạm ứng	220.716.781	-	927.088.168	-
Lãi dự thu	1.908.822	-	50.159.000	-
Phải thu các quầy kinh doanh (i)	780.502.098	-	585.808.285	-
Phải thu khác	558.175.327	-	421.919.681	-
<i>b) Phải thu khác dài hạn là các bên liên quan</i>	-	-	<b>1.484.457.884</b>	-
Ký cược, ký quỹ tại Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimaflour	-	-	1.484.457.884	-
<b>Cộng</b>	<b>8.415.041.678</b>	-	<b>8.891.933.018</b>	-

Ghi chú:

- (i) Phải thu các quầy kinh doanh phản ánh khoản phải thu về lợi nhuận và thuế giá trị gia tăng tại các quầy kinh doanh lương thực thực phẩm và dịch vụ trực thuộc Công ty.

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sơn Châu Á	1.981.927.900	-	1.981.927.900	-
Bà Trần Thị Xuân Yến	1.522.122.241	-	1.522.122.241	-
Công ty TNHH An Lạc Tiên Sơn	306.090.000	-	306.090.000	-
Công ty Kinh doanh và Chế biến Lương thực Việt Tiến	65.319.650	-	65.319.650	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư V&L	100.000.000	-	100.000.000	-
Bà Trần Thị Hòa	33.000.000	-	33.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	20.000.000	-	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.028.459.791</b>	-	<b>4.028.459.791</b>	-

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	381.150.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.154.239.374	-	1.148.712.786	-
Công cụ, dụng cụ	309.568.303	-	167.106.170	-
Thành phẩm	15.609.155.947	-	47.444.753	-
Hàng hóa	63.575.909.612	4.635.246.680	24.308.795.935	-
<b>Cộng</b>	<b>82.030.023.236</b>	<b>4.635.246.680</b>	<b>25.672.059.644</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM HÀ NỘI**Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>342.928.176</b>	<b>168.894.543</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	332.819.085	159.100.606
Các khoản khác	10.109.091	9.793.937
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.194.428.273</b>	<b>1.056.375.206</b>
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	285.524.532	510.836.223
Công cụ dụng cụ xuất dùng	551.791.108	544.697.841
Chi phí thuê đất (i)	355.346.233	-
Các khoản khác	1.766.400	841.142
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.537.356.449</b>	<b>1.225.269.749</b>

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê tại Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại Đồng Tháp, thời hạn thuê đến ngày 25 tháng 3 năm 2071.

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	21.166.082.016	4.379.025.226	3.485.362.272	118.000.000	29.148.469.514
Mua trong năm	6.572.643.532	15.080.410.949	-	-	21.653.054.481
Số cuối năm	27.738.725.548	19.459.436.175	3.485.362.272	118.000.000	50.801.523.995
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	15.859.803.837	3.806.872.373	1.342.499.101	108.166.666	21.117.341.977
Khấu hao trong năm	1.054.372.121	1.390.957.626	376.410.963	9.833.334	2.831.574.044
Số cuối năm	16.914.175.958	5.197.829.999	1.718.910.064	118.000.000	23.948.916.021
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	5.306.278.179	572.152.853	2.142.863.171	9.833.334	8.031.127.537
Số cuối năm	10.824.549.590	14.261.606.176	1.766.452.208	-	26.852.607.974

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 10.011.261.999 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 8.878.459.272 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại chi nhánh Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 20.031.206.706 VND. Trong đó công trình xây dựng trên thửa đất số 92 và thửa đất số 127 được đem đi thế chấp khoản vay (Nhu trình bày tại Thuyết minh số 21).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	2.996.027.000	115.000.000	3.111.027.000
- Mua trong năm	15.077.720.921	-	15.077.720.921
Số cuối năm	18.073.747.921	115.000.000	18.188.747.921
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	884.108.700	91.041.668	975.150.368
Khấu hao trong năm	58.940.580	19.166.667	78.107.247
Số cuối năm	943.049.280	110.208.335	1.053.257.615
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	2.111.918.300	23.958.332	2.135.876.632
Số cuối năm	17.130.698.641	4.791.665	17.135.490.306

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tại Chi nhánh Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 15.077.720.921 VND. Trong đó: Thửa đất số 92 và Thửa đất số 127 được đem đi thế chấp khoản vay (Như trình bày tại Thuyết minh số 21).

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	71.068.920.846	71.068.920.846
Số cuối năm	71.068.920.846	71.068.920.846
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	8.143.209.685	8.143.209.685
Khấu hao trong năm	2.143.566.050	2.143.566.050
Số cuối năm	10.286.775.735	10.286.775.735
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số đầu năm	62.925.711.161	62.925.711.161
Số cuối năm	60.782.145.111	60.782.145.111

Bất động sản đầu tư của Công ty phản ánh nhà cửa và cơ sở hạ tầng nắm giữ để cho thuê.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ.

**14. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	30.000.000	150.374.546
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	30.000.000	150.374.546
<u>Trong đó:</u>		
Công trình 168 Lò Đức, Hà Nội	30.000.000	30.000.000
Dự án Nhà máy chế biến lúa gạo tại Đồng bằng Sông Cửu Long	-	120.374.546

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNFI (i)	17.663.000.000	7.546.768.834	(*)	17.663.000.000	7.598.356.303	(*)
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.663.000.000</b>	<b>7.546.768.834</b>	<b>-</b>	<b>17.663.000.000</b>	<b>7.598.356.303</b>	<b>-</b>

Ghi chú:

(i) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNFI. Tổng giá trị vốn góp là 17.663.000.000 đồng, tương đương 1.766.300 cổ phần, chiếm 10,16% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNFI. Trong đó, giá trị vốn góp bằng tài sản cố định hữu hình là 3.494.000.000 đồng và góp bằng lợi thế khai thác quyền sử dụng đất là 14.169.000.000 đồng.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>33.580.551.647</b>	<b>33.580.551.647</b>	<b>35.889.464.608</b>	<b>35.889.464.608</b>
Công ty CP Tiến Hưng	11.184.595.176	11.184.595.176	12.538.011.879	12.538.011.879
Capital Link International Trading Limited	-	-	5.864.057.856	5.864.057.856
Cai Qiao Internatinonal Trading Limited	3.629.932.664	3.629.932.664	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Quảng Nam	2.193.877.800	2.193.877.800	2.324.640.050	2.324.640.050
Công ty CP Thương mại và Công nghệ Thực phẩm Hoàng Lâm	1.740.322.800	1.740.322.800	1.597.447.375	1.597.447.375
Công ty TNHH XNK Thái An Dương	2.979.409.000	2.979.409.000	1.720.709.000	1.720.709.000
Công ty TNHH Interflour Đà Nẵng	1.760.578.025	1.760.578.025	1.597.447.375	1.597.447.375
Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam	1.956.631.850	1.956.631.850	1.154.632.600	1.154.632.600
Bà Lê Thị Quyền	1.088.023.500	1.088.023.500	-	-
Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi	419.265.000	419.265.000	402.000.000	402.000.000
Các đối tượng khác	6.627.915.832	6.627.915.832	8.690.518.473	8.690.518.473
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>10.400.000.000</b>	<b>10.400.000.000</b>	<b>848.943.305</b>	<b>848.943.305</b>
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	10.400.000.000	10.400.000.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất bột mì Vimaflour	-	-	848.943.305	848.943.305
<b>Cộng</b>	<b>43.980.551.647</b>	<b>43.980.551.647</b>	<b>36.738.407.913</b>	<b>36.738.407.913</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>1.899.164.249</b>	<b>58.984.751</b>
Công ty TNHH Thương mại Tương lai Việt	1.152.860.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Trung Chính	706.200.000	-
Đối tượng khác	40.104.249	58.984.751
<b>b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>17.600.000.000</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	17.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>19.499.164.249</b>	<b>58.984.751</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp/thu trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp/ thu trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	289.454.195	1.727.677.639	1.608.974.615	408.157.219
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.322.863.993	39.188.288	10.362.052.281	-
Thuế thu nhập cá nhân	35.599.693	94.428.574	126.109.786	3.918.481
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.620.714	9.112.835.808	9.112.835.808	5.620.714
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	219.435.566	219.435.566	-
<b>Cộng</b>	<b>10.653.538.595</b>	<b>11.193.565.875</b>	<b>21.429.408.056</b>	<b>417.696.414</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	534.018.948	-	-	534.018.948
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.760.263	-	80.208.751	81.969.014
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	16.894.533	16.894.533
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	692.285.086	692.285.086	193.289.795	193.289.795
<b>Cộng</b>	<b>1.228.064.297</b>	<b>692.285.086</b>	<b>290.393.079</b>	<b>826.172.290</b>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước	366.635.879	495.870.908
<b>Cộng</b>	<b>366.635.879</b>	<b>495.870.908</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1 (i)	6.340.302.667	6.340.302.667
Giá trị tài sản nhận được từ dự án N04B2 Khu đô thị mới Dịch Vọng (ii)	2.151.575.742	2.278.139.022
Giá trị tài sản nhận được từ dự án 195 Đội Cấn (iii)	1.314.498.092	1.415.613.332
Giá trị tài sản nhận được từ dự án tòa nhà D2 Giảng Võ (iv)	1.355.333.333	1.431.333.333
Giá trị tài sản nhận được từ dự án 622 Minh Khai (v)	44.016.125.040	45.158.165.040
<b>Cộng</b>	<b>55.177.834.874</b>	<b>56.623.553.394</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

- (i) Là giá trị còn lại của Lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1. Giá trị còn phải phân bổ vào thu nhập tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.340.302.667 đồng.
- (ii) Là giá trị còn lại của Bất động sản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng trung tâm thương mại - tổ hợp nhà ở số 9 Cát Linh - số 3 Đặng Trần Côn ngày 15 tháng 5 năm 2002, và các Phụ lục kèm theo ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô; và giá trị còn lại của Bất động sản nhận được do thực hiện đổi 132 m<sup>2</sup> sàn thương mại tầng 1 tại Tòa nhà chung cư Hà Đô phố Hoàng Sâm với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô theo phụ lục hợp đồng số 04/PLHD ngày 22 tháng 11 năm 2017. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.
- (iii) Là giá trị còn lại của bất động sản được chia theo Thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 12 tháng 3 năm 2003 về việc hợp tác đầu tư xây dựng công trình tổ hợp cao tầng tại số 195 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.
- (iv) Là giá trị còn lại của bất động sản được chia theo Hợp đồng số 102/HĐ/GB-SĐTL với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Gia Bảo về việc hỗ trợ di dời, tái định cư cửa hàng thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại tầng 1, nhà D2 Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.
- (v) Là giá trị còn lại của bất động sản được chia theo Hợp đồng số 08/HĐKT với Công ty Cổ phần Kỹ nghệ và Hạ tầng Telin, nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Telin về việc hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà chung cư cao tầng kết hợp với trung tâm thương mại và dịch vụ tại ngõ 622 phố Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 40 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>19.419.802.106</b>	<b>27.099.320.379</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	101.500.000	361.000.000
Tạm trích tiền thuê đất, thuê nhà Phải trả Chi cục Thuế	1.422.561.622	6.069.540.452
Tiền thuê nhà phải trả Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	12.605.940.802	11.478.656.719
Phải trả về cổ tức	246.192.625	354.243.625
Phải trả các quỹ kinh doanh (i)	5.000.473.322	8.835.412.583
Phải trả khác	43.133.735	467.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.508.852.605</b>	<b>1.953.268.605</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.273.483.500	1.717.899.500
Phải trả khác	235.369.105	235.369.105

Ghi chú:

- (i) Phải trả các quỹ kinh doanh phản ánh khoản phải trả về giá trị hàng hóa, dịch vụ các quỹ trực thuộc Công ty mua phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>28.497.899.063</b>	<b>28.497.899.063</b>	<b>226.481.115.975</b>	<b>249.205.690.499</b>	<b>5.773.324.539</b>	<b>5.773.324.539</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (i)	15.000.000.000	15.000.000.000	143.814.338.633	157.721.113.157	1.093.225.476	1.093.225.476
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành phố Hà Nội (ii)	9.500.000.000	9.500.000.000	75.874.577.342	85.374.577.342	-	-
Ông Phạm Văn Tuấn (iv)	1.690.000.000	1.690.000.000	3.260.000.000	3.390.000.000	1.560.000.000	1.560.000.000
Ông Hoàng Đức Mạnh (iv)	750.000.000	750.000.000	-	-	750.000.000	750.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng (iv)	520.000.000	520.000.000	-	520.000.000	-	-
Ông Phùng Văn Đạt (iv)	107.899.063	107.899.063	232.200.000	-	340.099.063	340.099.063
Ông Nguyễn Duy Hân (iv)	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Tuyết	-	-	3.300.000.000	2.200.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Các đối tượng khác	430.000.000	430.000.000	-	-	430.000.000	430.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>1.440.000.000</b>	<b>1.440.000.000</b>	<b>720.000.000</b>	<b>2.160.000.000</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ (iii)	1.440.000.000	1.440.000.000	720.000.000	2.160.000.000	-	-
<i>Vay dài hạn</i>	<b>14.780.000.000</b>	<b>14.780.000.000</b>	<b>2.160.000.000</b>	<b>16.940.000.000</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ (iii)	9.780.000.000	9.780.000.000	2.160.000.000	11.940.000.000	-	-
Bà Phan Tấn Hào (iv)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị An (iv)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-
Bà Bùi Thị Hồng Thái (iv)	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000	-	-
Ông Nguyễn Lâm (iv)	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000	-	-
Đối tượng khác	1.800.000.000	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-	-

**Ghi chú:**

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/6380227/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2020 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 17 tháng 11 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ. Hạn mức cấp tín dụng là 80.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng, lãi suất được xác định theo từng lần nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 07/2021 HĐCVHM/NHCT106-VIHAFOODCO ngày 07 tháng 7 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hà Nội. Hạn mức cấp tín dụng là không quá 80.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 07 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng với lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/6380227/HĐTD ngày 22 tháng 02 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ. Số tiền 12.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí nhận chuyển nhượng nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất đối với Dự án Nhận chuyển nhượng tài sản gắn với đất là nhà máy chế biến lúa gạo tại Đồng bằng sông Cửu Long. Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất được áp dụng là lãi suất thả nổi, biên độ 3,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức: thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay đảm bảo tối thiểu đáp ứng chính sách cấp tín dụng của BIDV.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iv) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm các khoản vay ngắn hạn của cá nhân, mục đích vay vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh, khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	30.000.000.000	16.861.379.325	1.735.486.626	48.596.865.951
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.611.874.544	1.611.874.544
Phân phối lợi nhuận	-	61.937.963	(1.735.486.626)	(1.673.548.663)
<b>Số đầu năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>16.923.317.288</b>	<b>1.611.874.544</b>	<b>48.535.191.832</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	231.229.628	231.229.628
Phân phối lợi nhuận (i)	-	161.272.350	(1.601.496.883)	(1.440.224.533)
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>17.084.589.638</b>	<b>241.607.289</b>	<b>47.326.196.927</b>

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20 tháng 4 năm 2021, lợi nhuận sau thuế năm 2020 được phân phối như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 240.224.533 đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 161.272.350 đồng
- Chia cổ tức cho cổ đông: 1.200.000.000 đồng

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	15.300.000.000	15.300.000.000
Các cổ đông khác	14.700.000.000	14.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.200.000.000	1.500.000.000

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
-USD	876,85	2.290,55

**24. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>713.187.975.706</i>	<i>732.331.985.128</i>
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	676.831.260.591	681.861.141.075
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.356.715.115	50.470.844.053
<b>Cộng</b>	<b>713.187.975.706</b>	<b>732.331.985.128</b>
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>1.241.643.552</i>	<i>110.782.327</i>
Chiết khấu thương mại	321.577.619	-
Giảm giá hàng bán	920.065.933	110.782.327
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>711.946.332.154</b>	<b>732.221.202.801</b>

Trong đó:

*b) Doanh thu đối với các bên liên quan*

Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc - VP Công ty	236.199.586.943	308.456.808.512
Tổng kho An Giang - Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	35.699.216.750	6.095.427.000
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu lương thực Đồng Tháp - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	5.911.800.000	5.203.640.000
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình	-	322.000.000
Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên	12.666.667	4.000.000
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển gạo Việt - Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	225.750.000
Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên	15.714.286	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng tại Đồng Tháp	812.270.000	-

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	651.969.289.165	657.042.363.013
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	15.706.338.725	28.501.555.870
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.635.246.680	(213.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>672.310.874.570</b>	<b>685.330.918.883</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>(Trình bày lại)</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	276.378.266.632	11.183.597.240
Chi phí nhân công	16.245.350.728	17.502.177.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.053.247.341	2.923.317.755
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.823.642.268	6.588.762.516
Chi phí dự phòng	4.583.659.211	(1.988.000.000)
Chi phí khác	9.548.375.667	14.366.189.480
<b>Cộng</b>	<b>317.632.541.847</b>	<b>50.576.044.572</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM HÀ NỘI**Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	540.957.731	1.924.498.271
Lãi chênh lệch tỷ giá	62.034.196	64.317.730
Chiết khấu thanh toán	29.025.000	-
<b>Cộng</b>	<b>632.016.927</b>	<b>1.988.816.001</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.597.832.791	275.432.590
Lỗ chênh lệch tỷ giá	216.644.247	230.936.537
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(51.587.469)	(27.837.151)
<b>Cộng</b>	<b>3.762.889.569</b>	<b>478.531.976</b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Tiền thuê đất, thuê nhà	836.370.212	530.773.801
Chi phí nhân viên	4.283.017.475	3.170.074.825
Chi phí đồ dùng văn phòng	109.685.788	117.118.557
Chi phí khấu hao TSCĐ	636.657.276	719.090.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.545.357	521.445.315
Chi phí dự phòng sửa chữa tài sản cố định	-	(1.775.000.000)
Hoàn nhập quỹ tiền thuế đất trích năm trước	(4.662.387.924)	(3.011.574.898)
Các khoản chi phí QLDN khác	3.279.333.573	3.591.338.700
<b>Cộng</b>	<b>4.670.221.757</b>	<b>3.863.266.378</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	11.962.333.253	13.463.308.849
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	599.460.015	443.342.673
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.090.055.500	632.896.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.920.429.903	5.640.368.508
Các khoản chi phí bán hàng khác	14.685.240.222	14.278.920.389
<b>Cộng</b>	<b>33.257.518.893</b>	<b>34.458.836.499</b>

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Kết chuyển thu nhập khác đối với giá trị tài sản nhận được từ các hợp đồng hợp tác đầu tư dự án	1.445.718.520	827.113.520
Tiền hỗ trợ kinh doanh và di dời từ dự án 622 Minh Khai	-	1.838.800.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	125.999.999
Thu nhập khác	322.786.733	223.362.902
<b>Cộng</b>	<b>1.768.505.253</b>	<b>3.015.276.421</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM HÀ NỘI**Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***31. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao HĐQT	34.400.000	60.000.000
Các khoản bị phạt, chậm nộp, bồi thường	51.702.002	378.444.675
Chi phí khác	28.017.915	75.661.250
<b>Cộng</b>	<b>114.119.917</b>	<b>514.105.925</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	231.229.628	12.579.635.562
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.105.126.710)	42.259.169.530
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.445.718.520	2.676.291.181
+ Thu nhập đã nộp thuế các năm trước	1.445.718.520	2.665.913.520
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản mục tiền và nợ phải thu cuối năm	-	10.377.661
Trừ: Các khoản điều chỉnh làm giảm tiền thuế đất đã tính thuế các năm trước	2.284.092.944	-
Trừ: Các khoản hoàn nhập chi phí đã loại trừ khi tính thuế TNDN kỳ trước	-	1.775.000.000
Cộng: Thu nhập từ giá trị tài sản nhận được từ dự án hợp tác đầu tư	-	45.681.600.040
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	624.684.754	1.028.860.671
+ Chi phí phạt thuế, phạt chậm nộp, nộp bổ sung thuế năm trước	51.702.002	395.537.240
+ Tiền thù lao HĐQT	34.400.000	60.000.000
+ Chi phí khác	538.582.752	573.323.431
Thu nhập chịu thuế	(2.873.897.082)	54.838.805.092
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	10.967.761.018
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>10.967.761.018</b>

Ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được trừ trên, Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể (ngoài giá trị điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế như trên). Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	231.229.628	1.611.874.544
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	240.224.533
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	77	457
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021. Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 với số tiền 240.224.533 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số thường niên năm 2021 ngày 20 tháng 4 năm 2021. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 đã được trình bày lại. Giá trị lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 trước trình bày lại là 537 VND/cổ phiếu.

**34. SƠ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan

Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc  
Công ty TNHH Lương thực Phương Đông  
Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1  
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình  
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng  
Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên  
Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam  
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà  
Công ty TNHH Sản xuất bột mì Vimaflour

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Công ty liên doanh, liên  
kết của Công ty mẹ  
Ảnh hưởng đáng kể

Ngoài các sơ dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh số 5, 7, 16, 17, và 24 của Báo cáo tài chính này, trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>101.545.113.500</b>	<b>233.759.216.080</b>
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	32.950.000.000	1.050.000.000
Chi nhánh chế biến và xuất khẩu lương thực Đồng Tháp - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	11.163.405.000	56.619.172.500
Tổng kho An Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	53.786.450.000	154.512.702.500
Công ty TNHH Lương thực Phương Đông	-	11.851.185.000
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	2.236.174.000	1.976.987.000
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Gạo Việt - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	8.645.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	1.409.084.500	99.318.180
Công ty TNHH Sản xuất bột mì Vimaflour	-	7.641.205.900
<b>Lãi từ khoản đặt cọc</b>	<b>84.975.738</b>	<b>216.489.805</b>
Công ty TNHH Sản xuất bột mì Vimaflour	84.975.738	216.489.805
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.000.000</b>	<b>6.000.000</b>
Công ty TNHH Sản xuất bột mì Vimaflour	5.000.000	6.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***34. SƠ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Thu nhập của Ban Điều hành Công ty:*

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
	<b>1.550.586.084</b>	<b>1.758.279.343</b>
Ông Phan Vũ Anh	7.200.000	28.800.000
Ông Trần Hữu Hạnh	353.017.400	394.213.800
Bà Bùi Thị Tú Giang	300.859.000	345.041.200
Ông Nguyễn Văn Sửu	252.824.900	293.382.700
Bà Vũ Hà Hải	240.170.700	251.620.400
Ông Cao Bá Trung	173.339.200	52.080.500
Bà Bùi Thị Thu Thủy	92.487.354	120.873.108
Bà Trần Thị Bảo	125.287.530	131.726.000
Ông Hoàng Đức Mạnh	600.000	121.341.635
Ông Nguyễn Vũ Hoan	4.800.000	19.200.000

**35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 97.647.273 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm trước mà được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm bao gồm 202.312.000 VND, là số tiền cổ tức phân phối lợi nhuận cho các cổ đông trong năm trước mà được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Đồng thời, Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 94.261.000 VND (năm 2020 là 116.548.500 VND), là số tiền cổ tức phân phối lợi nhuận cho các cổ đông trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. Thuyết minh số 33 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Thuyết minh số 34 - Sơ dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày lại số năm trước nhằm mục đích so sánh.



Nguyễn Văn Sửu  
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Dương Tuấn Linh  
Kế toán trưởng

Trần Thu Thủy  
Người lập biểu



**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,  
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,  
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Văn phòng Hồ Chí Minh**

Tầng 11 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-24 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Văn phòng Đồng Nai**

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,  
Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Ha Noi Office**

12A Floor, 319 Corporation Tower  
No. 63 Le Van Luong, Trung Hoa Ward,  
Cau Giay District, Hanoi City  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Ho Chi Minh Office**

11<sup>th</sup> Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street  
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-24 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Dong Nai Office**

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,  
Bien Hoa City, Dong Nai Province  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn